

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02-02-2021

V/v *Ly hôn và nuôi con khi ly
hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần VD.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

P.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “ *Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị K**, sinh năm 1988; có mặt

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

Chỗ ở: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* **Anh Lê Anh V**(tên gọi khác: T), sinh năm 1990; có mặt

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

Hiện anh V đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Lê Song H, sinh ngày 11/10/2011; vắng mặt

- Cháu Lê D, sinh ngày 29/11/2015; vắng mặt

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

Chỗ ở: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H;

Đại diện theo pháp luật cho hai cháu: Chị Nguyễn Thị K là mẹ đẻ của hai cháu.

4. Người làm chứng:

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1955; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H;

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1970; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về tình cảm: Chị K kết hôn với anh Lê Anh V trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H vào ngày 10/6/2011. Quá trình chung sống, ngay sau khi kết hôn vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V không có công ăn việc làm, không chịu lo làm ăn, đi chơi tối ngày về nhà còn dùng những lời lẽ xúc phạm, thậm chí là đánh đập và đe dọa giết chị. Năm 2016 anh V đòi hỏi chị đưa tiền để đi chơi bởi nhưng chị không đưa, chị đã phải tránh mặt thì anh V đã bắt con trai chị làm con tin để buộc chị phải về đưa tiền cho anh V, hành vi này của anh V đã bị Tòa án nhân dân huyện P đưa ra xét xử và kết án 30 tháng tù về hành vi đe dọa giết người. Sau khi anh V đi cải tạo về, bình thường được khoảng 5 - 6 tháng lại vẫn con đường cũ chơi bời, nuôi nhân viên để phục vụ quán hát và đối xử với chị không ra gì. Tháng 6 năm 2019 chị đã làm đơn xin ly hôn anh V gửi Tòa án nhân dân huyện P, quá trình giải quyết do chồng chị hứa thay đổi và chị cũng nghĩ để các cháu có bố, có mẹ nên chị đã rút đơn xin ly hôn anh V nhưng sau khi rút đơn anh V vẫn không hề thay đổi tính nết. Ngày 20/8/2020 anh V bắt chị lên phòng ngủ để ngồi xem anh V sử dụng ma túy, sau khi sử dụng ma túy dẫn đến ngáo đá quay ra hành hạ chị, dùng súng đe dọa giết chị và gây thương tích cho chị. Hành vi này của anh V đã bị cơ quan công an huyện P đã bắt giữ, khởi tố và đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H về tội đe dọa giết người và cố ý gây thương tích. Do cuộc sống căng thẳng, mệt mỏi nên ngày 22/8/2020 chị đã đưa hai con về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại H, M, V. Ngoài những nguyên nhân trên thì còn có nguyên nhân anh V có tính ghen tuông vô cớ về chửi và đánh đập chị K. Chị K xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị K và anh V có 02 con chung là cháu Lê Song H, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Lê D, sinh ngày 29/11/2015; hai cháu đang ở với chị K. Ly hôn, chị K có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Hiện nay chị K đang làm việc tại khu công nghiệp Thăng Long 2 ở Yên Mỹ, H; thu nhập hàng tháng ổn định khoảng 5 - 6 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị K trình bày vợ chồng chị không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2020, bị đơn anh Lê Anh Vtrình bày:

Về tình cảm: Anh V và chị K trước khi kết hôn có thời gian được tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng anh sống hạnh phúc, bình thường, đôi lúc có xảy ra xích mích, nguyên nhân là do anh bị áp lực công việc làm ăn bên ngoài xã hội. Vào năm 2016, anh V bị Tòa án nhân dân huyện P kết án 02 năm 06 tháng tù về tội đe dọa giết người (đe dọa giết cháu H); đến tháng 3 năm 2018, anh V chấp hành án xong và trở về địa phương. Trong thời gian anh V đi chấp hành án chị K vẫn đi thăm gặp anh V. Từ khi anh về địa phương vợ chồng anh vẫn sống hòa thuận, thi thoảng có cãi nhau nguyên nhân từ vấn đề công việc và áp lực ngoài xã hội. Đến ngày 19/8/2020 vợ chồng anh có xảy ra cãi nhau, chị K đóng cửa không cho anh V vào nhà, trong khi đó công an ở bên ngoài tìm chứng cứ phạm tội của anh do anh V làm công việc mặt trái xã hội. Đến ngày 20/8/2020, anh V bị công an huyện P bắt giữ và sau đó bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H từ đó cho đến nay. Từ khi anh V bị bắt thì chị K chưa một lần nào vào thăm gặp anh. Năm 2019, chị K đã làm đơn xin ly hôn anh xong lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Anh V xác định giữa anh và chị K không có mâu thuẫn gì, do áp lực ngoài xã hội nên anh V không nói chuyện công việc cho chị K biết nên vợ chồng không hiểu và xảy ra cãi nhau. Anh V xác định vẫn còn tình cảm với chị K nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh V và chị K có 02 con chung là cháu Lê Song H, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Lê D, sinh ngày 29/11/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn thì anh V nhất trí giao cả hai con chung cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Giữa anh V và chị K không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cháu Lê Song H là con của chị K, anh Vtrình bày:

Trong thời gian bố mẹ cháu chung sống, cháu H nhận thấy bố mẹ cháu thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, bố cháu hay chửi, đánh đập mẹ cháu và đánh cả cháu H. Bố cháu thường xuyên vắng nhà và không quan tâm gì đến anh em cháu. Nguyên nhân bố cháu chửi và đánh đập mẹ cháu là do bố cháu hay hỏi tiền nong của mẹ cháu, mẹ cháu không đưa là bố cháu đánh. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì cháu H có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu vì bố cháu không quan tâm gì đến anh em cháu, cháu rất sợ bố cháu. Việc cháu xin ở với mẹ cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai xúi giục hay ép buộc cháu phải lựa chọn ở với mẹ cháu.

Người làm chứng bà Trần Thị M (là mẹ đẻ chị K) trình bày:

Quá trình vợ chồng chị K, anh V chung sống bà thấy hai anh chị không hạnh phúc, anh V mắc nghiện ma túy, thường xuyên chửi bới, đánh đập và hành hạ chị K, thậm chí là đe dọa giết chị K nhiều lần, chị K đã nhiều lần về lánh nạn ở gia

đình nhà bà, lần gần đây nhất là ngày 22/8/2020, sau khi anh V bị bắt tạm giam về hành vi đe dọa giết chị K thì ba mẹ con chị K đã phải về nhà bà sinh sống từ đó cho đến nay. Anh V không những đối xử thậm tệ với chị K mà còn xúc phạm chửi bới cả gia đình bà. Khi vợ chồng chị K, anh V xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình có gặp gỡ để K ngăn nhưng anh V không nghe. Đến nay chị K có đơn khởi kiện ly hôn anh V, tôi đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Người làm chứng bà Trần Thị M (là mẹ đẻ của anh V) trình bày: Anh V và chị K chung sống hòa thuận hạnh phúc 4 -5 năm sau đó thì giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh V đua đòi bạn bè, ham chơi sau đó về hoạch hợ vợ tiền nong. Năm 2016, xảy ra sự việc anh V đe dọa giết cháu H sau đó anh V đi chấp hành án đến năm 2018 thì anh V về địa phương sinh sống; vợ chồng anh V, chị K chung sống với nhau bình thường được khoảng 01 năm lại xảy ra mâu thuẫn. Thời gian gần đây anh V thường xuyên đánh đập vợ con, tinh thần không M hẳn và có hiện tượng ảo giác; bà M nghi ngờ anh V sử dụng chất kích thích. Đến tháng 8 năm 2020 anh V có hành vi đe dọa giết chị K sau đó bị bắt tạm giam. Anh V và chị K có hai con chung, hiện các con chung đang ở với chị K tại V. Anh V và chị K cũng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung và không vướng mắc gì về tài sản của gia đình bà M nên bà M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã T, huyện P cung cấp thông tin: Khoảng tháng 8 năm 2020 anh V có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến việc anh V bị bắt tạm giam, cụ thể nguyên nhân vì sao dẫn đến sự việc thì địa phương không rõ, không nắm bắt được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện. Chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Về con chung: chị K có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác không có gì; chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Anh V trình bày: Anh không nhất trí ly hôn với chị K. Về con chung, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn thì anh V nhất trí tạm thời giao cả hai con cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, các con chung. Về tài sản chung: Anh V trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh V và chị K không có gì nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, cho chị K được ly hôn với anh Lê Anh Văn. Giao con chung là các cháu Lê Song H và Lê D cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và xác định thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị K và anh Lê Anh V có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2011 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H. Như vậy, hôn nhân giữa chị K và anh V là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không hạnh phúc nên chị K làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Văn, đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình nên sẽ áp dụng luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H thụ lý và xác định quan hệ pháp luật cũng như giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị K: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người làm chứng, kết quả xác M tại UBND xã T và các tài liệu chứng cứ khác Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định từ năm 2019 cuộc sống giữa chị K và anh V đã nảy sinh có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V mãi chơi, không chịu lo làm ăn, đua theo bạn bè ngoài xã hội và còn có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập, đe dọa giết chị K và con. Năm 2019, chị K cũng đã nộp đơn xin ly hôn anh V nhưng vì thương con nên chị K lại rút đơn về, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh V cũng thừa nhận do anh làm công việc mặt trái ngoài xã hội bị áp lực nên vợ chồng có xảy ra xích mích. Đến tháng 8 năm 2020, anh V có hành vi cố ý gây thương tích đối với chị K; có hành vi đe dọa giết con trai là cháu Lê Song H và

đã bị Công an huyện P khởi tố vụ án, khởi tố bị can; bắt tạm giam. Tại phiên tòa, anh V khẳng định vẫn còn tình cảm vợ chồng và không nhất trí ly hôn chị K; tuy nhiên hành vi bạo lực gia đình của anh V làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của chị K và cháu H; làm cuộc sống gia đình giữa chị K và anh V không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh V đã trầm trọng. hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để chị K sớm ổn định cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị K và anh V có 02 con chung là cháu Lê Song H, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Lê D, sinh ngày 29/11/2015; các con chung đều ở cùng với chị K. Ly hôn, chị K có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, anh V có quan điểm nếu phải ly hôn thì anh V nhất trí giao cả hai cháu cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện anh V đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con nên giao cả hai con chung cháu H và cháu D cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các cháu. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị K, giao các cháu Lê Song H và Lê D cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị K không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con chung, anh V nhất trí quan điểm của chị K. HĐXX nhận thấy đây là sự tự nguyện của chị K nên cần được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác:

Nguyên đơn chị K và bị đơn anh V đều trình bày vợ chồng không nợ ai tài sản gì; không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng về vấn đề tài sản chung: Nguyên đơn chị K trình bày giữa chị và anh V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh V trình bày anh và chị K có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác; đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều

147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Lê Anh V(tên gọi khác là T).

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Song H, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Lê D, sinh ngày 29/11/2015 cho chị Nguyễn Thị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Sau khi ly hôn, anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung; chị K và gia đình chị K không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác:

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình, ruộng canh tác: Các đương sự khẳng định không có gì, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003794 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, chị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Q